

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **111** /QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày **17** tháng **01** năm **2015**

|                                       |                     |
|---------------------------------------|---------------------|
| <b>CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ T.T.HUẾ</b> |                     |
| <b>ĐẾN</b>                            | Số: ... 89 .....    |
|                                       | Ngày: 21/01 .....   |
|                                       | Chủ đề: Về việc phê |

**QUYẾT ĐỊNH**

**duyệt Quy hoạch phát triển nghề truyền thống và làng nghề  
trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020, định hướng đến năm 2025**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 116/2006/TT-BNN ngày 18 tháng 12 năm 2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 113/2006/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về ngân sách Nhà nước hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn theo Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 46/2011/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về việc bảo vệ môi trường làng nghề;

Căn cứ Quyết định số 132/2000/QĐ-TTg ngày 24 tháng 11 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách phát triển ngành nghề nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 2636/2011/QĐ-BNNPTNT ngày 31 tháng 10 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề;

Căn cứ Quyết định số 1650/QĐ-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt đề cương nhiệm vụ và khái toán đề án Quy hoạch phát triển nghề và làng nghề trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 1454/TTr-SNNPTNT ngày 10 tháng 12 năm 2014,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch phát triển nghề truyền thống và làng nghề trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 với các nội dung chủ yếu sau:

## **I. QUAN ĐIỂM**

- Phát triển nghề và làng nghề phải kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế với xây dựng nông thôn mới trên cơ sở phát huy, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái, thúc đẩy kinh tế nông thôn phát triển bền vững;

- Phát triển nghề truyền thống và làng nghề phải gắn với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, thúc đẩy chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp; phát huy giá trị văn hóa, nâng cao giá trị sản phẩm gắn liền với phát triển dịch vụ du lịch, gắn hoạt động sản xuất của làng nghề với các hoạt động du lịch dịch vụ, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng,...

- Bảo tồn và phát triển nghề, làng nghề trên cơ sở bảo tồn và phát huy các truyền thống văn hóa, tập quán của từng địa phương cùng với sự tham gia của cộng đồng gắn với quá trình CNH, HĐH nông nghiệp nông thôn; đẩy mạnh đầu tư chiều sâu để tăng năng lực cạnh tranh, đa dạng hóa sản phẩm và ứng dụng các công nghệ mới; kết hợp chặt chẽ giữa công nghệ cổ truyền và công nghệ tiên tiến để tạo ra sản phẩm vừa truyền thống nhưng phải tinh xảo vừa hiện đại mang tính thương mại cao;

- Song song với việc bảo tồn cần phải tập trung khôi phục, phát triển các nghề và làng nghề có nhiều tiềm năng và lợi thế so sánh về nguyên vật liệu, kỹ năng, kỹ xảo sản xuất, có khả năng cạnh tranh trên thị trường, thu hút nhiều lao động,... nhằm góp phần tích cực giải quyết việc làm để nâng cao đời sống và thu nhập cho cư dân ở các địa phương.

## **II. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu chung**

- Góp phần thúc đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông thôn để chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng giảm nhanh tỷ trọng giá trị sản xuất nông nghiệp, tăng giá trị sản xuất công nghiệp và dịch vụ. Tạo việc làm và tăng thu nhập cho lao động nông thôn, góp phần làm thay đổi bộ mặt văn hóa - xã hội của các địa phương theo hướng bền vững, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc gắn với xây dựng nông thôn mới.

- Phát triển các nghề và làng nghề các địa phương trên cơ sở ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất để đa dạng hóa sản phẩm về mẫu mã, kiểu dáng, nâng cao năng suất, chất lượng, khả năng cạnh tranh; đồng thời chọn lọc, lựa chọn phát triển các ngành nghề và làng nghề của các địa phương có hiệu quả kinh tế cao phù hợp với điều kiện của mỗi địa phương và gắn với việc bảo vệ môi trường, đồng thời quan tâm bảo tồn một số làng nghề gắn với phát triển dịch vụ du lịch.

### **2. Mục tiêu cụ thể**

- Bảo tồn và phát triển các nghề và làng nghề truyền thống; đồng thời du nhập phát triển làng nghề mới gắn với phát triển du lịch, dịch vụ.

- Nâng tỷ trọng kinh tế nghề truyền thống và làng nghề đến năm 2020 đạt 20 - 30% và đến năm 2025 đạt 30 - 35% trong cơ cấu kinh tế nông thôn.

- Tổng giá trị sản xuất nghề, làng nghề đến năm 2020 đạt 1.300 - 1.400 tỷ đồng và đến năm 2025 đạt 1.600 - 1.700 tỷ đồng. Tốc độ tăng bình quân của giai đoạn đạt 17%/năm. Đóng góp cho xuất khẩu hàng năm đạt khoảng 200 tỷ đồng.

- Đến năm 2020 tạo việc làm cho trên 15.000 lao động nông thôn, tỷ lệ lao động qua đào tạo phần đầu đạt 70%; tương ứng đến năm 2025 tạo việc làm khoảng 20.000 lao động, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 80%.

- Đẩy mạnh sử dụng máy móc, ứng dụng công nghệ vào sản xuất, ưu tiên sử dụng máy móc thiết bị tiên tiến, hiện đại; phần đầu đến năm 2020 tỷ lệ cơ giới hóa đạt 30 - 40% và năm 2025 đạt 50%.

- Xử lý cơ bản ô nhiễm môi trường ở các làng nghề, cơ sở sản xuất: 100% các cơ sở, cụm - điểm công nghiệp làng nghề có hệ thống xử lý chất thải tập trung đạt chuẩn (đặc biệt là các ngành nghề chế biến nông lâm thủy sản và thực phẩm).

- Đến năm 2020 có 15 - 25 nghề và làng nghề, năm 2025 có 25 - 30 nghề và làng nghề được công nhận nghề, làng nghề và làng nghề truyền thống.

### III. QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN NGHỀ TRUYỀN THỐNG VÀ LÀNG NGHỀ

1. Quy hoạch bảo tồn, khôi phục và phát triển theo Quyết định 2636/QĐ-BNNPTNT ngày 31/10/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Chương trình Bảo tồn và Phát triển làng nghề và theo các nhóm nghề, ngành nghề truyền thống gồm:

a) Khôi phục và bảo tồn các làng nghề truyền thống từ lâu đời đang có nguy cơ bị mai một, thất truyền

*Nhóm nghề và làng nghề thủ công mỹ nghệ*

- Nghề truyền thống tranh giấy làng Sinh, xã Phú Mậu, huyện Phú Vang.

- Nghề truyền thống làm điều Huế.

- Nghề và Làng nghề truyền thống gốm Phước Tích, xã Phong Hòa, huyện Phong Điền.

*Nhóm nghề cơ khí*

- Nghề rèn Hiền Lương, xã Phong Hiền, huyện Phong Điền và Nghề rèn Cầu Vực, phường Thủy Phương, thị xã Hương Thủy.

b) Khôi phục để phát triển một số nghề và làng nghề phát triển cầm chừng, không ổn định sản xuất

*Nhóm ngành nghề chế biến nông, lâm, thủy sản*

- Nghề chế biến tương măng.

*Nhóm nghề và làng nghề thủ công mỹ nghệ*

- Nghề hoa giấy Thanh Tiên.

- Nghề Đệm bàng Phò Trạch.

- Nghề Nón lá.

- Nghề may áo dài Huế.

- Nghề Sơn mài, Khảm trai, Khảm xương.

*Nhóm nghề khác*

- Nghề đan lưới.
- Nghề làm chổi đót, tắm hương.

c) Nghề và làng nghề phát triển hoặc phát triển tốt có khả năng lan tỏa sang các khu vực khác

*Nhóm ngành nghề chế biến nông, lâm, thủy sản*

- Nghề làm bún, bánh.
- Làng nghề chế biến thủy hải sản.
- Nghề nấu rượu.
- Các nghề: Làm nem chả, bánh kẹo, ớt dầm, mứt.
- Nghề nấu dầu trầm.

*Nhóm nghề và làng nghề thủ công mỹ nghệ*

- Làng nghề đan lát mây tre Bao La, xã Quảng Phú và Thủy Lập, xã Quảng Lợi, huyện Quảng Điền.

- Nhóm nghề và các làng nghề sản xuất đồ gỗ cao cấp và đồ gỗ mỹ nghệ.
- Nhóm nghề thêu và thêu ren.
- Nghề gia công chế tác kim hoàn.
- Nghề Pháp lam, Sơn mài, Khảm trai, Khảm xương.

*Nhóm nghề cơ khí*

- Nghề sửa chữa gia công cơ khí nhỏ.

*Nhóm nghề khác*

- Làng nghề sản xuất nấm (linh chi, nấm rơm, nấm sò).
- Nghề sinh vật cảnh.

c) Nghề và làng nghề ảnh hưởng lớn đến môi trường cần chuyển đổi nghề

*Nhóm ngành nghề chế biến nông, lâm, thủy sản*

- Nghề chế biến tinh bột sắn Xuân Lai, xã Lộc An, huyện Phú Lộc và tại Thủy An, thành phố Huế.

*Nhóm nghề khác*

- Nghề gạch ngói Thủy Phú.

đ) Bảo tồn và phát triển nghề thủ công truyền thống của các vùng đồng bào dân tộc

Từ nay đến năm 2020 ở địa bàn A Lưới và Nam Đông cần tập trung khôi phục các làng nghề dệt Zèng ở A Roàng, Nhâm, A Đót, Hương Hữu và một số xã có nghề dệt zèng gắn liền tạo sản phẩm, dịch vụ phát triển du lịch cộng đồng.

**2. Quy hoạch các làng nghề; phát triển làng nghề gắn với du lịch theo từng địa bàn huyện, thị xã, thành phố**

a) Quy hoạch các nghề và làng nghề gắn với du lịch

Tập trung vào những nội dung chủ yếu sau:

- Gắn kết chương trình phát triển làng nghề với chương trình phát triển du lịch, tăng các tour du lịch làng quê, làng nghề, phố nghề vừa phục vụ du lịch, vừa trình diễn nghề và bán sản phẩm làng nghề.

- Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền về vai trò, ý nghĩa của việc phát triển làng nghề gắn với phát triển du lịch; đồng thời kết hợp nâng cấp cải tạo hạ tầng kỹ thuật, quy hoạch hợp lý mặt bằng khuôn viên của cơ sở sản xuất trong làng nghề vừa phục vụ phát triển sản xuất, đảm bảo mỹ quan và thuận lợi cho khách du lịch khi đến tham quan và mua sắm tại làng nghề.

+ Đẩy mạnh xây dựng, phát triển và hoàn thiện hạ tầng thông tin cho các làng nghề để kết hợp phát triển du lịch.

+ Tranh thủ các nguồn vốn của các dự án đầu tư nước ngoài của các tổ chức phi chính phủ để hỗ trợ cho các làng nghề.

+ Trước mắt, các làng nghề truyền thống có điều kiện thuận lợi trong việc phát triển các hình thức du lịch (như tour du lịch tham quan làng nghề, tour du lịch tham quan làng di sản, làng đồng quê,...) cần nghiên cứu thành lập Ban xúc tiến thương mại và Du lịch của làng nghề để nghiên cứu cơ chế, chính sách làm việc với các tổ chức, cơ quan du lịch nhằm sớm đưa được các tour di lịch đến làng nghề truyền thống.

+ Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm làng nghề.

+ Xây dựng địa điểm trình diễn sản phẩm, giới thiệu và bán hàng lưu niệm cho du khách, đồng thời nghiên cứu bảo tồn các di tích lịch sử của làng nghề như Đền thờ Tổ nghề, các lễ hội văn hóa truyền thống của làng; xây dựng các điểm sản xuất thử nghiệm cho du khách tham gia,...

- Việc quy hoạch các nghề và làng nghề gắn với du lịch tại các làng nghề sau:

+ Làng nghề Đúc đồng Huế (phường Phường Đúc và Thủy Xuân, thành Phố Huế).

+ Làng nghề Gốm Phước Tích (xã Phong Hòa, huyện Phong Điền).

+ Làng nghề Điêu khắc gỗ Mỹ Xuyên (xã Phong Hòa, huyện Phong Điền).

+ Làng nghề Tranh dân gian làng Sinh và Hoa giấy Thanh Tiên (xã Phú Mậu, huyện Phú Vang).

+ Làng nghề Nón lá Thủy Thanh (xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy).

+ Làng nghề Nón lá Mỹ Lam (xã Phú Mỹ, huyện Phú Vang).

+ Làng nghề Dệt Zeng tại các xã A Roàng, A Đót, Thị trấn A Lưới, huyện A Lưới.

+ Làng nghề đan lát mây tre Bao La, xã Quảng Phú và Thủy Lập, xã Quảng Lợi, huyện Quảng Điền.

Ngoài ra, đối với các nhóm nghề trong Quy hoạch trên cần thực hiện các giải pháp và dự án theo Quyết định số 1746/QĐ-UBND ngày 06/9/2013 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt Chiến lược phát triển thương hiệu các đặc sản Tỉnh đến năm 2020.

b) Quy hoạch làng nghề và nghề gắn với địa bàn cấp huyện (Phụ lục 4)

### **3. Kế hoạch du nhập nghề, làng nghề mới đến năm 2020, định hướng đến năm 2025**

a) Định hướng chung

Ngành nghề được du nhập phải đảm bảo phù hợp với thuần phong mỹ tục của địa phương, phù hợp với Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Quy hoạch phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh, du nhập nghề gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, môi trường sản xuất, vệ sinh an toàn thực phẩm và hiệu quả, bền vững.

b) Lựa chọn nhóm ngành nghề du nhập và định hướng

Những ngành nghề có khả năng du nhập, phát triển trong thời gian đến bao gồm các nghề sau:

- Chạm khắc đá mỹ nghệ, chạm, tam khí.
- Vật liệu xây dựng không nung.
- Tranh gỗ.
- Sản xuất đồ chơi, hàng thủ công mỹ nghệ.
- Bảo quản, sơ chế nông, lâm thủy sản.
- Nuôi trồng sinh vật cảnh.

Phát động các phong trào thi đua phát triển làng nghề, ngành nghề trong các cấp, các ngành và các địa phương.

Xây dựng và ban hành chính sách khen thưởng và hỗ trợ cho các nghệ nhân, thợ giỏi về điều kiện sinh hoạt, nhà ở và thu nhập, một mặt du nhập nghề mới và thúc đẩy phát triển nghề và làng nghề.

Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trong làng nghề vay vốn, hỗ trợ lãi suất, vay vốn ưu đãi; tiếp cận, tìm kiếm, khai thác mở rộng thị trường trong và ngoài nước...

### **4. Một số dự án đề xuất thực hiện**

a) Các làng nghề và nghề cần ưu tiên tập trung đầu tư từ 2015 - 2020

- Xây dựng thí điểm mô hình làng nghề truyền thống kết hợp với du lịch tập trung, bao gồm các làng nghề sau: Đúc đồng Huế, Gốm Phước Tích, Hoa giấy Thanh Tiên, Tranh làng Sinh, Nón lá Thủy Thanh, Dệt Zèng A Lưới, Đan lát mây tre Bao La và Thủy Lập.

- Xây dựng chương trình bảo tồn, phát triển các nghề và làng nghề truyền thống bao gồm các nghề sau: Nghề làm Bún bánh, Nghề mây tre đan (đan thúng, đan giỏ, đồ mỹ nghệ), Nghề nấu rượu, Nghề chế biến nước mắm, mắm.

- Đầu tư xây dựng hoàn thiện hạ tầng và mở rộng quy mô cho các cụm công nghiệp - TTCN để thúc đẩy ngành nghề ở các địa phương phát triển:

- + Cụm làng nghề Xước Dũ.
- + Cụm làng nghề Mỹ Xuyên.

- + Cụm TTCN Thủy Phương.
- + Cụm công nghiệp - TTCN Hương Hòa.
- + Cụm công nghiệp - TTCN ACo.
- + Cụm công nghiệp - TTCN Bình Điền.

- Hỗ trợ đầu tư hạ tầng kết hợp hệ thống xử lý chất thải chung cho các làng nghề truyền thống chế biến thực phẩm: Bún Vân Cù; Bún Ô Sa; Chế biến thủy sản Tân Thành, Phú Thuận, Phú An.

b) Dự án ưu tiên đầu tư:

- Dự án bảo tồn làng nghề gốm Phước Tích.
- Dự án đầu tư phát triển Làng bún Ô Sa và Vân Cù.
- Dự án đầu tư phát triển gắn với du lịch làng nghề điêu khắc gỗ Mỹ Xuyên.
- Dự án đầu tư phát triển gắn với du lịch làng hoa giấy Thanh Tiên.
- Dự án bảo tồn làng nghề tranh làng Sinh.
- Dự án đầu tư phát triển làng nghề chế biến thủy sản: Phong Hải, Quảng Công, Phú Thuận, Lộc Vĩnh, Vinh Hiền
- Dự án đầu tư phát triển làng nghề đúc đồng truyền thống Huế
- Dự án đầu tư phát triển làng nghề mây tre đan Bao La.
- Dự án đầu tư phát triển làng nghề nón lá Mỹ Lam, Thanh Tân, Thủy Thanh.
- Dự án đầu tư phát triển làng nghề dầu tràm Nước Ngọt
- Dự án đầu tư phát triển các nghề dệt Zèng ở huyện A Lưới và Nam Đông.

#### **IV. NHU CẦU NGUỒN VỐN THỰC HIỆN QUY HOẠCH**

**1. Tổng nhu cầu vốn đầu tư: 51.000 triệu đồng.**

*Trong đó:*

- Vốn ngân sách : 40.000 triệu đồng.
- Vốn vay : 6.500 triệu đồng.
- Vốn tự có : 4.500 triệu đồng.

**2. Phân kỳ đầu tư**

- Giai đoạn từ 2014 – 2020 : 41.000 triệu đồng.
- Giai đoạn từ 2020 – 2025 : 10.000 triệu đồng.

#### **V. CÁC NHÓM GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH**

**1. Quản lý nhà nước đối với các nghề, làng nghề**

- Tập trung chỉ đạo, phát huy vai trò, trách nhiệm và tăng cường sự phối hợp của các sở, ban ngành liên quan và các huyện, thị xã, thành phố Huế để xây dựng kế hoạch hằng năm, tiến hành cụ thể hóa các kế hoạch chương trình, Đề án phát triển làng nghề, ngành nghề trên địa bàn tỉnh.

- Công tác củng cố, khôi phục, du nhập và phát triển nghề, làng nghề là nội dung quan trọng trong chiến lược đẩy mạnh CNH-HĐH công nghiệp nông thôn và xây dựng nông thôn mới của tỉnh.

- Tăng cường công tác quản lý Nhà nước đối với lĩnh vực làng nghề, ngành nghề, thực hiện tốt công tác quy hoạch, kế hoạch định hướng phát triển.

- Củng cố và tăng cường đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý Nhà nước về ngành nghề nông thôn, khuyến nông, khuyến công trên địa bàn các huyện, thị xã và thành phố Huế.

## **2. Giải pháp nguồn vốn**

- Lồng ghép các nguồn vốn của Nhà nước với các nguồn tài trợ của các tổ chức phi chính phủ và đóng góp của các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực sản xuất nghề và Làng nghề.

- Đa dạng hóa các hình thức huy động vốn như: góp vốn, thành lập hợp tác xã, doanh nghiệp, vay các tổ chức tín dụng...

- Tăng cường tìm kiếm vận động các nguồn tài trợ và đầu tư từ các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức nước ngoài để khai thác thêm các nguồn vốn hỗ trợ đào tạo nghề, đào tạo khởi sự doanh nghiệp, nghiên cứu thị trường, xử lý môi trường ở các làng nghề...

- Mở rộng mạng lưới giao dịch của các ngân hàng thương mại về tận các xã. Giảm thủ tục cho vay, triển khai rộng hình thức cho vay tín chấp.

- Thành lập quỹ hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn; đây là công cụ chính sách quan trọng để đẩy mạnh phát triển ngành nghề nông thôn.

- Hỗ trợ tín dụng phát triển ngành nghề nông thôn thông qua đề án hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh.

- Ngoài ra, theo Thông tư số 113/2006/TT-BTC ngày 28/12/2006 của Bộ Tài chính: các dự án kinh doanh có hiệu quả được hưởng ưu đãi đầu tư theo luật đầu tư; được vay vốn từ quỹ hỗ trợ giải quyết việc làm theo quy định tại quyết định số 120/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

## **3. Giải pháp nguồn nhân lực**

- Thay đổi phương thức đào tạo, thời gian đào tạo cho phù hợp với từng loại đối tượng, phát huy hình thức đào tạo theo hợp đồng.

- Các cơ sở ngành nghề nông thôn được hỗ trợ kinh phí gửi đi đào tạo tại các trường quản lý, trường công nhân kỹ thuật của nhà nước.

- Có biện pháp khuyến khích mời các nghệ nhân trong và ngoài tỉnh kèm cặp, bồi dưỡng truyền nghề cho lực lượng lao động trẻ thông qua các lớp đào tạo, hội thảo, trao đổi kinh nghiệm.

- Đưa lao động đến một số trường kỹ thuật có ngành nghề địa phương đang phát triển để đào tạo theo phương thức nhà nước và nhân dân cùng làm.



- Khuyến khích các làng nghề, cơ sở nghề truyền thống mở lớp đào tạo nghề cho lao động của địa phương và các vùng lân cận.

- Lao động nông thôn khi tham gia học nghề ở các cơ sở đào tạo nghề được hỗ trợ kinh phí đào tạo theo chính sách hỗ trợ dạy nghề ngắn hạn cho lao động nông thôn theo chính sách của Nhà nước.

#### **4. Giải pháp về cơ chế chính sách và phương án thực hiện**

- Các chính sách khuyến nông và khuyến khích đầu tư: Các cơ sở nghề, làng nghề được hưởng thụ các chính sách khuyến nông và các cơ chế chính sách khuyến khích đầu tư khác của tỉnh.

- Về mặt bằng sản xuất và đầu tư kết cấu hạ tầng:

Các dự án đầu tư ngành nghề truyền thống được ưu tiên bố trí vào các cụm TTCN, các điểm TTCN và các điểm TTCN làng nghề theo quy hoạch, được hưởng các chính sách và thuế đất và phí sử dụng hạ tầng theo quy định của tỉnh.

Đối với các dự án phải di dời theo quy hoạch, được hưởng các chính sách theo Quyết định số 74/QĐ-TTg ngày 06/4/2005 của Thủ tướng chính phủ về việc sử dụng tiền chuyển quyền sử dụng đất, tiền bán nhà xưởng và các công trình khác khi tổ chức kinh tế phải di dời trụ sở, cơ sở sản xuất kinh doanh theo quy hoạch.

- Về thành lập doanh nghiệp

Các cá nhân, tổ chức, các cơ sở sản xuất đăng ký kinh doanh mới và dự kiến đầu tư phát triển các ngành nghề, làng nghề truyền thống được hỗ trợ một phần kinh phí khởi sự doanh nghiệp, tham gia các lớp học khởi sự doanh nghiệp, lập kế hoạch kinh doanh, tăng cường khả năng kinh doanh, theo kế hoạch khuyến công và khuyến nông hàng năm của tỉnh, được tạo mọi điều kiện thuận lợi để đăng ký kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Luật đầu tư và luật Hợp tác xã.

- Về chính sách thuế:

Các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất nghề, làng nghề truyền thống đầu tư sản xuất được hưởng các chính sách miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Nhà nước; được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định của doanh nghiệp hoặc nhập khẩu nguyên liệu vật tư, linh kiện trong nước chưa sản xuất được để sản xuất theo Nghị định số 87/2010/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu và được miễn tiền thuê đất theo quy định tại Nghị định 142/2005/NĐ-CP của Chính phủ về tiền Thuế đất và mặt nước.

- Hỗ trợ quảng bá, xúc tiến thương mại, liên kết sản xuất: các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trong làng nghề khi tham gia hội chợ, triển lãm; xây dựng đăng ký thương hiệu sản phẩm làng nghề; được công nhận làng nghề truyền thống, làng nghề mới thì được hỗ trợ một phần kinh phí theo quy định của tỉnh và Trung ương.

#### **5. Giải pháp nguồn nguyên liệu cho sản xuất**

Mục tiêu mà vùng nguyên liệu cần đạt là:

- Chất liệu nguyên liệu phù hợp, chất lượng cao, đồng đều.

- Quy mô cung ứng tương xứng với nhu cầu nguyên liệu của địa phương
- Quảng đường vận chuyển cho phép tối ưu hoá chi phí (gần và thuận lợi giao thông, vận chuyển).

#### **6. Giải pháp phát triển sản phẩm tiêu biểu và phát triển thị trường**

- Hỗ trợ kinh phí phát triển nghề, chuyển giao ứng dụng kỹ thuật sản xuất sản phẩm mới, các sản phẩm tiêu biểu của địa phương như nước mắm, mộc mỹ nghệ, mộc cao cấp...; đẩy mạnh xây dựng mô hình trình diễn để nhân rộng và phát triển nghề, tổ chức bình chọn sản phẩm tiêu biểu hàng năm.

- Thường xuyên cải tiến mẫu mã, kiểu dáng sản phẩm cho các làng nghề, gắn làng nghề với điểm thăm quan du lịch, nhằm thu hút du khách đến với làng nghề và sử dụng sản phẩm của làng nghề.

- Tăng cường các biện pháp nghiên cứu thị trường, liên kết liên doanh giữa đơn vị sản xuất và đơn vị tiêu thụ, tạo thành cầu nối vững chắc, chuỗi liên kết từ khâu sản xuất đến khâu tiêu thụ.

- Hỗ trợ, tạo mọi điều kiện có các cơ sở sản xuất truyền thống, làng nghề về các thủ tục tham gia hội chợ triển lãm, tổ chức đoàn tham gia hội chợ trong và ngoài nước.

#### **7. Giải pháp về tổ chức sản xuất và nâng cao năng lực cạnh tranh**

- Tổ chức lại sản xuất, tạo điều kiện các hộ làng nghề đăng ký sản xuất, hỗ trợ phát triển, mở rộng sản xuất và chuyển đổi thành các doanh nghiệp tư nhân, Công ty TNHH hoặc thành lập các hợp tác xã; phát triển mạnh các loại hình kinh tế HTX chú trọng xây dựng các HTX kinh doanh tổng hợp gắn với làng nghề ở nông thôn.

- Khuyến khích các đơn vị sản xuất áp dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ sản xuất sạch phù hợp với điều kiện của từng đơn vị.

- Thực hiện liên doanh, liên kết nhằm tranh thủ tối đa công nghệ tiên tiến, công nghệ sạch từ các doanh nghiệp đã đầu tư trong và ngoài nước.

- Xây dựng đề án ứng dụng công nghệ mới cho các đơn vị sản xuất theo đề án nâng cao năng suất chất lượng cạnh tranh cho các cơ sở sản xuất.

#### **8. Giải pháp về khoa học công nghệ**

- Thường xuyên tổ chức các cuộc hội thảo về khoa học công nghệ phục vụ kinh tế làng nghề của tỉnh, tổ chức tham quan học tập và rút kinh nghiệm về ứng dụng công nghệ từ các địa phương khác trong cả nước.

- Xây dựng đề tài, Đề án nghiên cứu về khoa học công nghệ, kỹ thuật sản xuất kinh tế cho các làng nghề.

- Hỗ trợ, động viên, khuyến khích và tạo điều kiện cho cơ sở, đơn vị trong làng nghề đi tiên phong trong việc ứng dụng khoa học kỹ thuật hiện đại vào sản xuất.

- Phối hợp với các Trường Đại học, Viện và Trung tâm nghiên cứu để nghiên cứu cải tiến mẫu mã, cập nhật thông tin công nghệ, thiết bị mới, nghiên cứu hoàn thiện máy móc phục vụ cho các nghề và làng nghề.

## **9. Giải pháp bảo vệ môi trường**

- Có chính sách đồng bộ từ quy hoạch, đầu tư xây dựng nhà xưởng đến môi trường. Vì phát triển làng nghề không chỉ nhằm mục tiêu kinh tế xã hội mà phải quan tâm tới bảo vệ môi trường, bảo tồn, duy trì những di sản văn hoá của các địa phương.

- Tăng cường công tác phổ biến, giáo dục, tuyên truyền vận động về vệ sinh môi trường, an toàn lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm đến tận hộ sản xuất cá thể, các tổ chức, làng nghề và tuân thủ các quy định về vệ sinh môi trường một cách chặt chẽ.

- Sắp xếp lại cơ sở sản xuất, chế biến trong lĩnh vực nông lâm thủy sản, khuyến khích đầu tư xử lý và ứng dụng công nghệ Biogas trong xử lý nước thải.

## **VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Phân kỳ thực hiện:** phân kỳ giai đoạn đến 2020 và giai đoạn 2020 – 2025 (*cụ thể theo nội dung Đề án Quy hoạch*).

### **2. Phân công trách nhiệm thực hiện:**

#### **a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

- Tổ chức công bố quy hoạch theo quy định; chịu trách nhiệm tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng Đề án, kế hoạch tổ chức triển khai, thực hiện các nội dung theo quy hoạch đã được phê duyệt.

- Chủ trì, phối hợp với các sở ban ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố theo dõi quá trình tổ chức thực hiện quy hoạch ở các địa phương.

- Định kỳ hàng năm, tổ chức đánh giá định kỳ việc thực hiện Quy hoạch, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh tình hình và kết quả thực hiện quy hoạch; chủ trì phối hợp với các Sở, ngành liên quan trình UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh đề xuất điều chỉnh trong trường hợp cần thiết.

#### **b) Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Chủ trì, phối hợp với các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện và thành phố Huế và các ngành liên quan khác xem xét thống nhất các đề xuất về cân đối, hỗ trợ vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước cho các công trình hạ tầng kỹ thuật ở các làng nghề và các cụm công nghiệp - TTCN, cụm làng nghề tập trung.

#### **c) Sở Tài chính**

Chủ trì cân đối các nguồn vốn, nhất là vốn ngân sách hàng năm của tỉnh đầu tư hỗ trợ cho khôi phục, phát triển làng nghề, ngành nghề và công tác xét công nhận làng nghề, làng nghề truyền thống hàng năm .

#### **d) Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch**

- Xây dựng dự án bảo tồn giá trị văn hóa làng nghề truyền thống.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các địa phương thực hiện dự án làng nghề truyền thống kết hợp với du lịch.

#### **đ) Sở Công thương**

- Phối hợp cùng với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch phát triển nghề và làng nghề, quy hoạch vùng nguyên liệu tập trung phục vụ công nghiệp chế biến.

- Đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại cho các làng nghề, cơ sở sản xuất trong làng nghề.

e) Sở Lao động, Thương binh và Xã hội

- Xây dựng kế hoạch đào tạo nghề ở khu vực nông thôn.

- Phối hợp với các Sở, ban, ngành, các địa phương thực hiện Quy hoạch.

g) Sở Khoa học và Công nghệ

Đề xuất các giải pháp khuyến khích chuyển giao công nghệ và ứng dụng tiến bộ khoa học trong lĩnh vực phát triển làng nghề, ngành nghề; xây dựng và bảo hộ các thương hiệu đặc sản, sản phẩm nghề và làng nghề truyền thống.

h) UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế

- Tăng cường sự chỉ đạo về công tác quản lý nhà nước đối với làng nghề để cùng cố tăng cường và phân công đội ngũ cán bộ phụ trách quản lý nghề nông thôn cấp huyện, thị xã, thành phố và các cấp xã, phường, thị trấn.

- Xây dựng các quy hoạch, kế hoạch cụ thể trên địa bàn để thực hiện tốt Quy hoạch phát triển nghề và làng nghề tại địa phương.

i) Các Sở, Ban ngành liên quan

Theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo các địa phương triển khai thực hiện quy hoạch.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

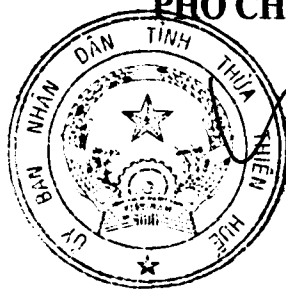
**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ NNPTNT (b/c);
- TVTU, TT HĐND Tỉnh (b/c);
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- VP: CVP và các PCVP;
- Lưu: VT, NN, CT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



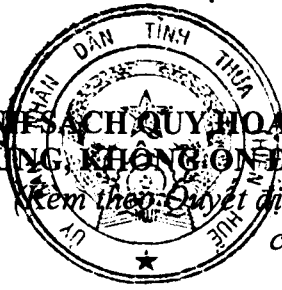
**Phan Ngọc Thọ**



**PHỤ LỤC 1**  
**DANH SÁCH QUY HOẠCH CÁC NGHỀ VÀ LÀNG NGHỀ TRUYỀN THÔNG ĐANG**  
**CÓ NGUY CƠ MẤT MỌI, THẤT TRUYỀN CẦN KHÔI PHỤC VÀ BẢO TỒN**  
(Kèm theo Quyết định số **111** /QĐ-UBND ngày **17** tháng **01** năm **2015**  
của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

| STT | Nghề, Làng nghề                       | Địa phương                              | Ghi chú  |
|-----|---------------------------------------|---|--|
| 1   | Làng nghề gốm Phước Tích              | Xã Phong Hòa, huyện Phong Điền          | Bảo tồn kết hợp với phát triển du lịch                               |
| 2   | Làng nghề truyền thống rèn Hiền Lương | Xã Phong Hiền, huyện Phong Điền         | Đề nguyên trạng và bảo tồn địa danh                                  |
| 3   | Làng rèn Cầu Vực                      | Phường Thủy Phương, thị xã Hương Thủy   | Bảo tồn kết hợp với phát triển công nghệ                             |
| 4   | Tranh làng Sinh                       | Xã Phú Mậu, huyện Phú Vang              | Bảo tồn và giữ vững giá trị văn hóa kết hợp với du lịch              |
| 5   | Nghề làm điều Huế                     | Thành phố Huế và một số địa phương khác | Bảo tồn kết hợp với phát triển sản phẩm phục vụ du lịch và tiêu dùng |
| 6   | Nghề sản xuất phần nụ                 | Thành phố Huế                           | Bảo tồn và phục vụ nhu cầu sử dụng                                   |
| 7   | Nghề Pháp Lam                         | Thành phố Huế và thị xã Hương Thủy      | Bảo tồn và phục vụ nhu cầu sử dụng, phục vụ xuất khẩu                |
| 8   | Nghề đèn lồng                         | Thành phố Huế                           | Bảo tồn và phục vụ nhu cầu sử dụng, phục vụ xuất khẩu                |

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**



**PHỤ LỤC 2**  
**DANH SÁCH QUY HOẠCH CÁC NGHỀ VÀ LÀNG NGHỀ PHÁT TRIỂN CÀM**  
**CHUNG, KHÔNG ỔN ĐỊNH SẢN XUẤT, CẦN KHÔI PHỤC ĐỂ PHÁT TRIỂN**  
*Kèm theo Quyết định số 111 /QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2015*  
*của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế*

| STT | Nghề, Làng nghề  | Địa phương   | Ghi chú  |
|-----|--|--|--|
| 1   | Nghề tương măng ớt   | Xã Phong Mỹ, huyện Phong Điền  | Phát triển theo hướng thương hiệu đặc sản                              |
| 2   | Làng nghề hoa giấy Thanh Tiên                                  | Xã Phú Mậu, huyện Phú Vang   | Phát triển kết hợp với du lịch   |
| 3   | Làng nghề Đệm bàng Phò Trạch                                   | Xã Phong Bình, huyện Phong Điền  | Phát triển dựa trên đa dạng hóa sản phẩm                               |
| 4   | Nghề và các làng nghề Nón Lá                                   | Xã Phong Mỹ, xã Thủy Thanh, xã Phú An và một số xã, phường có nghề hoạt động | Ứng dụng KHCN, tìm đầu ra cho sản phẩm, kết nối với phát triển du lịch |
| 5   | Nghề may áo dài Huế  | Thành phố Huế  | Nâng lên thành thương hiệu, kết hợp với phát triển du lịch             |
| 6   | Nghề và làng nghề đan lưới                                     | Vân Trình và một số địa phương có nghề                                       | Ổn định sản xuất, đa dạng thêm sản phẩm.                               |
| 7   | Nghề và làng nghề làm chổi đốt, tắm hương                      | Phường Thủy Phương, xã Dương Hòa, xã Thủy Bằng và một số địa phương có nghề  | Cải tiến công nghệ, tìm đầu ra cho sản phẩm.                           |
| 8   | Nghề Sơn son thiếp vàng, Sơn mài, Chạm khảm, Chạm xương, Xà cừ | Thành phố Huế và một số địa phương có nghề                                   | Phát triển dựa trên đa dạng hóa sản phẩm                               |

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**



**PHỤ LỤC 3**  
**DANH SÁCH QUY HOẠCH CÁC NGHỀ VÀ LÀNG NGHỀ PHÁT TRIỂN HOẶC**  
**PHÁT TRIỂN TỐT CÓ KHẢ NĂNG LAN TỎA SANG KHU VỰC KHÁC**  
(Kèm theo Quyết định số **111** /QĐ-UBND ngày **17** tháng **01** năm **2015**  
của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

| STT | Nghề, Làng nghề  | Địa phương  | Ghi chú   |
|-----|--|---|---|
| 1   | Nghề và làng nghề Bún bánh                                     | Vân Cù, Ô Sa, An Đông, Lựu Bảo và một số xã có nghề   | Phát triển mạnh theo hướng cải tiến công nghệ và giảm thiểu tác động môi trường         |
| 2   | Nghề và làng nghề chế biến thủy hải sản                        | Quảng Công, Quảng Ngạn, Thuận An, Vinh Hiền, Phong Hải, Phú Thuận, Hải Dương và một số địa phương có nghề | Phát triển mạnh, xây dựng thương hiệu, mở rộng sản xuất, kết hợp với bảo vệ môi trường. |
| 3   | Nghề và làng nghề nấu rượu                                     | Phong Chương, Hương Toàn, Phú An và một số địa phương có nghề   | Xây dựng thương hiệu, chuẩn hóa chất lượng sản phẩm                                     |
| 4   | Các Nghề làm nem chả, bánh kẹo, mứt các loại thực phẩm đặc sản | Thành phố Huế và một số địa phương có nghề  | Bảo đảm an toàn vệ sinh và xây dựng thương hiệu   |
| 5   | Nghề và làng nghề mây tre đan                                  | Quảng Phú, Quảng Lợi và một số địa phương có nghề   | Đa dạng hóa sản phẩm, tìm kiếm thị trường kết hợp với du lịch                           |
| 6   | Nghề và làng nghề sản xuất đồ gỗ và đồ gỗ mỹ nghệ              | Phong Hòa, Hương Hồ và một số địa phương có nghề  | Đầu tư trang thiết bị máy móc nhà xưởng, tập trung vào các cụm TTCN                     |
| 7   | Nghề thêu  | Thành phố Huế và và một số địa phương có nghề   | Thành lập doanh nghiệp tham gia xuất khẩu.  |
| 8   | Nghề kim hoàn  | Thành phố Huế và và một số địa phương có nghề   | Đa dạng hóa sản phẩm, kết hợp với sản phẩm lưu niệm                                     |
| 10  | Nghề gia công và sửa chữa cơ khí nhỏ                           | ở các địa phương có nghề  | Tiếp tục phát triển phục vụ nhu   |

|    |                             |   |  |
|----|-----------------------------|---|--|
|    |                             |   | câu của người dân từng vùng.                                     |
| 11 | Nghề và làng nghề trồng nấm | Phú Lương, Phú Đa, Phú Xuân và ở các địa phương có nghề | Tiếp tục đầu tư Khoa học vào sản xuất, nâng cao sản phẩm đầu ra. |
| 12 | Nghề sinh vật cảnh          | Thành phố Huế và và một số địa phương có nghề           | Phát triển thêm sản phẩm mới mang tính mỹ thuật cao.             |

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**





**PHỤ LỤC 4**  
**DANH MỤC CÁC NGHỀ LÀNG NGHỀ NẪM TRONG QUY HOẠCH, PHÂN**  
**THEO ĐỊA BÀN CẤP HUYỆN**  
(Kèm theo Quyết định số **111** /QĐ-UBND ngày **17** tháng **01** năm **2015**  
của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

| STT       | Huyện, Thị xã, Thành phố   | Quy hoạch |                         |           | Ghi chú |
|-----------|--|-----------|-------------------------|-----------|---------|
|           |  | Bảo tồn   | Khôi phục và phát triển |           |         |
|           |  | 2015-2020 | 2015-2020               | 2020-2025 |         |
| <b>I</b>  | <b>Thành phố Huế</b>   |           |                         |           |         |
| 1         | Làng nghề Đúc đồng Huế (phường Phường Đúc và Thủy Xuân, thành Phố Huế) |           | x                       |           |         |
| 2         | Nghề chế biến tinh bột Thủy An, phường An Đông, thành phố Huế          |           | x                       |           |         |
| 3         | Nghề may áo dài Huế  |           | x                       |           |         |
| 4         | Nghề Kim hoàn  |           | x                       |           |         |
| 5         | Nghề Chạm khảm xương, xà cừ  |           | x                       |           |         |
| 6         | Nghề làm mứt, bánh, kẹo  |           | x                       |           |         |
| 7         | Nghề Sơn mài, sơn son thiếp vàng                                       |           | x                       |           |         |
| 8         | Nghề Thêu ren  |           | x                       |           |         |
| 9         | Nghề Nón lá  |           | x                       |           |         |
| 10        | Nghề Làm Diều  | x         |                         |           |         |
| 11        | Nghề Đèn lồng  | x         |                         |           |         |
| 12        | Nghề Phấn nọ   | x         |                         |           |         |
| 13        | Nghề Mộc mỹ nghệ   |           | x                       |           |         |
| 14        | Sản xuất hàng lưu niệm   |           | x                       |           |         |
| 15        | Nghề Pháp lam  | x         |                         |           |         |
| 16        | Nghề gia công sửa chữa cơ khí nhỏ                                      |           | x                       |           |         |
| <b>II</b> | <b>Thị xã Hương Thủy</b>   |           |                         |           |         |
| 1         | Nghề Tẩm hương (Dương Hòa, Thủy Bằng)                                  |           | x                       |           |         |
| 2         | Nghề rèn Cầu Vực (Thủy Phương)   | x         |                         |           |         |
| 3         | Nghề chổi đót Thanh Lam (Thủy Phương)                                  |           | x                       |           |         |

|            |  |  |   |  |  |
|------------|--|--|---|--|--|
| 4          | Làng nghề Nón lá Thủy Thanh (Thủy Thanh)                         |  | x |  |  |
| 5          | Nghề xây dựng  |  | x |  |  |
| 6          | Nghề Pháp lam  |  | x |  |  |
| 7          | Nghề Sản xuất vật liệu xây dựng                                  |  | x |  |  |
| 8          | Nghề Mộc mỹ nghệ   |  | x |  |  |
| 9          | Nghề Gia công sửa chữa cơ khí nhỏ                                |  | x |  |  |
| <b>III</b> | <b>Thị xã Hương Trà</b>  |  |   |  |  |
| 1          | Làng nghề sản xuất bún Vân Cù                                    |  | x |  |  |
| 2          | Làng nghề sản xuất bánh tráng, bánh ướn Lựu Bảo                  |  | x |  |  |
| 3          | Làng nghề hạm cần Địa Linh                                       |  | x |  |  |
| 4          | Làng nghề mộc An Bình  |  | x |  |  |
| 5          | Nghề Đan sợi nhựa  |  | x |  |  |
| 6          | Nghề Sản xuất Gạch không nung                                    |  | x |  |  |
| 7          | Nghề Xây dựng  |  | x |  |  |
| 8          | Nghề Sản xuất vật liệu xây dựng                                  |  | x |  |  |
| 9          | Nghề May mặc   |  | x |  |  |
| 10         | Nghề Gia công sửa chữa cơ khí nhỏ                                |  | x |  |  |
| <b>IV</b>  | <b>Huyện Phú Lộc</b>   |  |   |  |  |
| 1          | Làng nghề chế biến thủy hải sản làng Phụ An, xã Vinh Hiền        |  | x |  |  |
| 2          | Làng nghề chế biến nước mắm cá cơm làng Bình An, xã Lộc Vĩnh     |  | x |  |  |
| 3          | Làng nghề sản xuất chế biến dầu trầm làng Nước ngọt, xã Lộc Thủy |  | x |  |  |
| 4          | Nghề Xay xát, tinh chế bột sắn xã Lộc An                         |  | x |  |  |
| 5          | Nghề Thêu  |  | x |  |  |
| 6          | Nghề Sản xuất vật liệu xây dựng                                  |  | x |  |  |
| 7          | Nghề May mặc   |  | x |  |  |
| 8          | Nghề Xây dựng  |  | x |  |  |
| 9          | Nghề Gia công sửa chữa cơ khí nhỏ                                |  | x |  |  |
| <b>V</b>   | <b>Huyện Phú Vang</b>  |  |   |  |  |
| 1          | Làng nghề chế biến thủy hải sản Thuận                            |  | x |  |  |

|            |  |   |   |   |  |
|------------|--|---|---|---|--|
|            | An, Phú Thuận, Phú Hải   |   |   |   |  |
| 2          | Làng nghề nón lá Mỹ Lam, Phú Mỹ  |   | x |   |  |
| 3          | Làng nghề nấu rượu Làng Chuồn, Phú An  |   | x |   |  |
| 4          | Làng nghề hoa giấy Thanh Tiên, tranh làng Sinh xã Phú Mậu                        |   | x |   |  |
| 5          | Làng nghề trồng Nấm Lê Xá, Vĩnh Lưu xã Phú Lương, TT Phú Đa, Phú Lương, Phú Xuân |   | x |   |  |
| 6          | Chế biến tương ớt, bột ớt xã Phú Diên, Vinh Xuân                                 |   | x | x |  |
| 7          | Nghề May mặc   |   | x |   |  |
| 8          | Nghề Xây dựng  |   | x |   |  |
| 9          | Nghề Thêu  |   | x |   |  |
| 10         | Nghề gia công sửa chữa cơ khí nhỏ  |   | x |   |  |
| <b>VI</b>  | <b>Huyện Quảng Điền</b>  |   |   |   |  |
| 1          | Làng nghề chế biến thủy hải sản làng Tân Thành, An Lộc Quảng Công                |   | x |   |  |
| 2          | Làng nghề mây tre Đan Bao La- Quảng Phú, Thủy Lập – Quảng Lợi                    |   | x |   |  |
| 3          | Làng nghề bún Ô Sa, Quảng Vinh   |   | x |   |  |
| 4          | Nghề Xây dựng  |   | x |   |  |
| 5          | Nghề mộc   |   | x |   |  |
| 6          | Nghề đan sợi nhựa  |   | x |   |  |
| 7          | Nghề làm vành nón  |   | x |   |  |
| 8          | Nghề gia công sửa chữa cơ khí nhỏ  |   | x |   |  |
| <b>VII</b> | <b>Huyện Phong Điền</b>  |   |   |   |  |
| 1          | Làng nghề đệm Bàng Phò Trạch, Phong Bình   |   | x |   |  |
| 2          | Làng nghề Mộc Mỹ nghệ Mỹ Xuyên   |   | x |   |  |
| 3          | Làng nghề gôm Phước Tích Phong Hòa   | x |   |   |  |
| 4          | Làng nghề gia công lưới Vân Trinh, Phong Bình                                    |   | x |   |  |
| 5          | Làng nghề Nón lá Thanh Tân, xã Phong Sơn   |   | x |   |  |
| 6          | Làng nghề chế biến thủy hải sản Hải Thế, xã Phong Hải                            |   | x |   |  |

|             |   |   |   |   |  |
|-------------|---|---|---|---|--|
| 7           | Làng rèn Hiền Lương, xã Phong Hiền                                  | x |   |   |  |
| 8           | Nghề tương mắng Lưu Hiền Hòa, xã Phong Mỹ                           |   | x |   |  |
| 9           | Làng nghề rượu Phong Chương   |   |   |   |  |
| 10          | Sản xuất vật liệu xây dựng  |   |   |   |  |
| 11          | Nghề Sản xuất dầu trầm  |   |   |   |  |
| 12          | Nghề Gia công sửa chữa cơ khí nhỏ                                   |   | x |   |  |
| <b>VIII</b> | <b>Huyện A Lưới</b>   |   |   |   |  |
| 1           | Nghề dệt Zèng xã Nhâm   |   | x |   |  |
| 2           | Nghề dệt Zèng xã A Roàng  |   | x |   |  |
| 3           | Nghề dệt Zèng xã A Đót  |   | x |   |  |
| 4           | Nghề chổi đót xã A Ngo  |   | x |   |  |
| 5           | Nghề gia công sửa chữa cơ khí nhỏ                                   |   | x |   |  |
| <b>IX</b>   | <b>Huyện Nam Đông</b>   |   |   |   |  |
| 1           | Nghề chế biến cau khô tại Thị trấn Khe Tre, xã Hương Hòa, Hương Lộc |   | x |   |  |
| 2           | Dệt Zèng Thượng Long, Hương Hữu                                     |   | x |   |  |
| 3           | Nghề chổi đót Thị trấn Khe Tre, xã Hương Lộc                        |   |   | x |  |
| 4           | Mây tre đan xuất khẩu Hương Lộc                                     |   |   | x |  |
| 5           | Nghề May mặc  |   | x |   |  |
| 6           | Nghề Gia công sửa chữa cơ khí nhỏ                                   |   | x |   |  |

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**



**PHỤ LỤC 5**  
**DANH MỤC QUỸ HOẠCH CÁC NGHỀ VÀ LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG**  
**TRONG GIAI ĐOẠN QUỸ HOẠCH**  
(Kèm theo Quyết định số 111 /QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2015  
của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

| STT        | Nghề, làng nghề, địa phương  | Nghề truyền thống | Làng nghề truyền thống |
|------------|--|-------------------|------------------------|
| <b>I</b>   | <b>Thành phố Huế</b>   |                   |                        |
| 1          | Làng nghề Đúc đồng Huế (phường Phường Đúc và Thủy Xuân, thành Phố Huế) |                   | X                      |
| 2          | Nghề May áo dài Huế  | X                 |                        |
| 3          | Nghề Kim hoàn  | X                 |                        |
| 4          | Nghề Chạm khắc   | X                 |                        |
| 5          | Nghề Làm mứt, bánh, kẹo  | X                 |                        |
| 6          | Nghề Sơn mài, Pháp lam   | X                 |                        |
| 7          | Nghề Thêu ren  | X                 |                        |
| 8          | Nghề Nón lá  | X                 |                        |
| 9          | Nghề làm Diều  | X                 |                        |
| <b>II</b>  | <b>Thị xã Hương Thủy</b>   |                   |                        |
| 1          | Nghề rèn Cầu Vực (Thủy Phương)   | X                 |                        |
| 2          | Nghề chổi đót Thanh Lam (Thủy Phương)                                  |                   | X                      |
| 3          | Làng nghề Nón lá Thủy Thanh (Thủy Thanh)                               |                   | X                      |
| <b>III</b> | <b>Thị xã Hương Trà</b>  |                   |                        |
| 1          | Làng nghề sản xuất bún Vân Cù  |                   | X                      |
| 2          | Làng nghề sản xuất bánh tráng Lựu Bảo                                  |                   | X                      |
| 3          | Nghề Chạm càn Địa Linh   | X                 |                        |
| 4          | Làng nghề Mộc An Bình  |                   | X                      |
| <b>IV</b>  | <b>Huyện Phú Lộc</b>   |                   |                        |
| 1          | Làng nghề chế biến thủy hải sản Phú An, xã Vinh Hiền                   |                   | X                      |
| 2          | Làng nghề chế biến nước mắm cá cơm Bình An, xã Lộc Vĩnh                |                   | X                      |
| 3          | Làng nghề sản xuất, chế biến, dịch vụ dầu tràm Nước ngọt, xã Lộc Thủy  |                   | X                      |

|             |  |   |   |
|-------------|--|---|---|
| <b>V</b>    | <b>Huyện Phú Vang</b>  |   |   |
| 1           | Làng nghề chế biến thủy hải sản Thuận An, Phú Thuận, Phú Hải         |   | X |
| 2           | Làng nghề Nón lá Mỹ Lam, xã Phú Mỹ                                   |   | X |
| 3           | Làng nghề nấu rượu Làng Chuồn, xã Phú An                             |   | X |
| 4           | Làng nghề hoa giấy Thanh Tiên, tranh làng Sinh xã Phú Mậu            |   | X |
| <b>VI</b>   | <b>Huyện Quảng Điền</b>  |   |   |
| 1           | Làng nghề chế biến thủy hải sản Tân Thành và An Lộc, xã Quảng Công   |   | X |
| 2           | Làng nghề Mây tre đan Bao La, xã Quảng Phú và Thủy Lập, xã Quảng Lợi |   | X |
| 3           | Làng nghề Bún Ô Sa, xã Quảng Vinh                                    |   | X |
| <b>VII</b>  | <b>Huyện Phong Điền</b>  |   |   |
| 1           | Làng nghề đệm Bàng Phò Trạch, xã Phong Bình                          |   | X |
| 2           | Làng nghề điêu khắc gỗ Mỹ Xuyên                                      |   | X |
| 3           | Làng nghề gốm Phước Tích, xã Phong Hòa                               |   | X |
| 4           | Làng nghề Nón lá Thanh Tân, xã Phong Sơn                             |   | X |
| 5           | Làng nghề chế biến thủy hải sản Hải Thế, xã Phong Hải                |   | X |
| 6           | Làng rèn Hiền Lương, xã Phong Hiền                                   | X |   |
| <b>VIII</b> | <b>Huyện A Lưới</b>  |   |   |
| 1           | Nghề dệt Zèng xã Nhâm  | X |   |
| 2           | Nghề dệt Zèng xã A Roàng   | X |   |
| 3           | Nghề dệt Zèng xã A Đót   | X |   |
| 4           | Nghề chổi đót xã A Ngo   | X |   |
| <b>IX</b>   | <b>Huyện Nam Đông</b>  |   |   |
| 1           | Dệt Zèng Thượng Long, Hương Hữu                                      | X |   |

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ